※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 아동수당법 시행규칙 [별지 제3호서식]

■ Thông tư hướng dẫn Luật Trợ cấp trẻ em [Mẫu đính kèm số 3]

미지급 아동수당 지급 청구서

YÊU CẦU TRỢ CẤP TRẺ EM CHƯA THANH TOÁN

※어두운 난( )은 청구인이 작성하지 않으며, [ ]에는 해당되는 곳에 √표를 합니다. (앞쪽)

※ Người làm đơn không điền vào ô màu tối ( ), và đánh dấu √ vào [ ] phù hợp. (Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일시 ngày tiếp nhận	처리기간 14일 Thời gian xử lý 14 ngày

청구인 Người làm đơn	성명 Họ tên		주민등록번호 (외국인등록번호) Số chứng minh thư Hàn (Số đăng ký người nước ngoài)		
	주소 Địa chỉ		전화번호: Số điện thoại: 휴대전화: Số di động:		
	청구권자 Người có quyền yêu cầu	[ ]수급아동의 사망 당시 보호자 [ ]Người giám hộ tại thời điểm trẻ em nhận trợ cấp tử vong [ ]대리인 [ ]Người đại diện	보호자가 여럿인 경우 Nếu có nhiều người giám hộ	( )명 ( ) người	
	입금계좌 Tài khoản nhận tiền	금융기관 Tổ chức tài chính	계좌번호 Số tài khoản	예금주 Chủ tài khoản	
통지방법 Phương thức thông báo	[ ]서면 [ ]전자우편_____[ ]문자 메시지 [ ]기타( ) [ ]Văn bản [ ]Email_____[ ]Tin nhắn [ ]Khác ( )				

미지급 아동수당 내역 Chi tiết trợ cấp trẻ em chưa thanh toán	사망자(수급아동) Người tử vong (trẻ em nhận trợ cấp)		주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn
	사망일 Ngày qua đời	청구액 Số tiền yêu cầu 천원 nghìn won	미지급기간 ( )개월 Thời gian chưa thanh toán ( )tháng [년 월 - 년 월] [năm tháng - năm tháng]

청구인 외 다른 보호자 (청구인을 대표자로 선정한 경우) Người giám hộ không phải là người làm đơn (Nếu người làm đơn được chọn làm người đại diện)	성명 Họ tên	주민등록번호 (외국인등록번호) Số chứng minh thư Hàn (Số đăng ký người nước ngoài)	연락처 Số điện thoại	대표자 선정 Lựa chọn người đại diện	
				선정일 Ngày chọn	서명 또는 인 Kí tên hoặc đóng dấu
			전화번호: Số điện thoại: 휴대전화: Số di động:		
			전화번호: Số điện thoại: 휴대전화: Số di động:		

「아동수당법」 제11조, 같은 법 시행령 제11조 및 같은 법 시행규칙 제10조제1항에 따라 위와 같이 미지급 아동수당을 청구합니다.

Theo Điều 11 "Luật Trợ cấp trẻ em", Điều 11 của Nghị định hướng dẫn Luật này và khoản 1 Điều 10 của Thông tư hướng dẫn Luật này, tôi xin yêu cầu trợ cấp trẻ em chưa được thanh toán như trên.

년 월 일

Năm tháng ngày

청구인(대리청구인) (서명 또는 인)

Người làm đơn (Người làm đơn đại diện) (Kí tên hoặc đóng dấu)

특별자치시장・특별자치도지사・시장・군수・구청장 귀하

Kính gửi Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc Tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido), Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu)

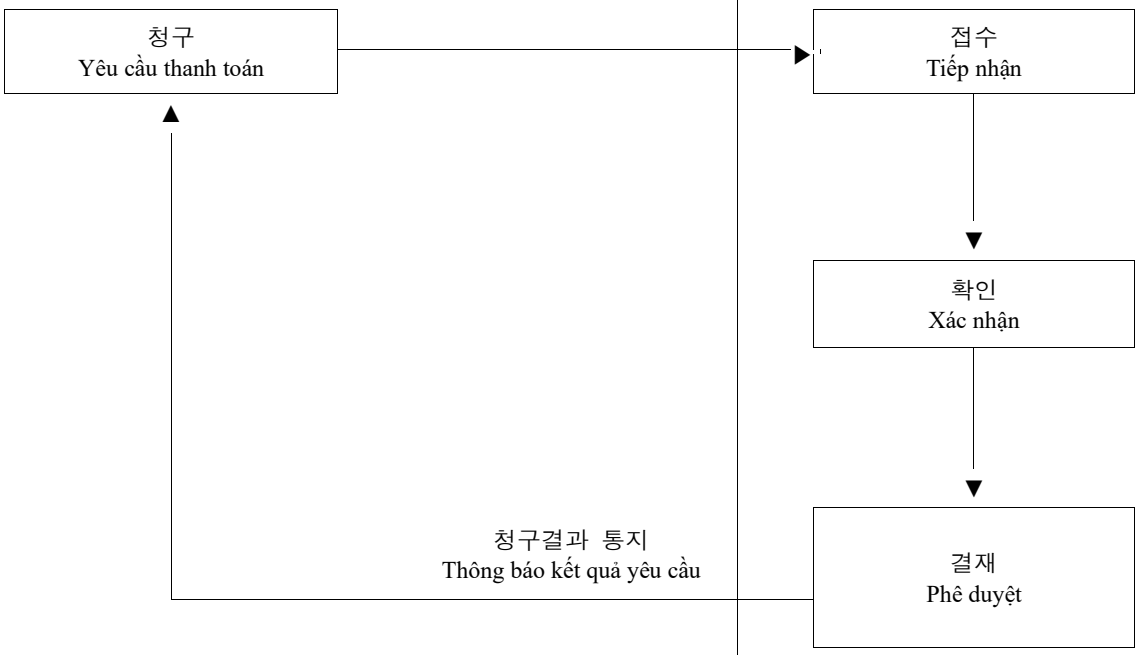
기재요령 Hướng dẫn điền	1. 청구인의 성명, 주민등록번호(외국인등록번호), 전화번호, 주소를 반드시 적으십시오. 1. Các thông tin gồm họ tên, số chứng minh thư Hàn (số đăng ký người nước ngoài), số điện thoại, địa chỉ của người làm đơn là thông tin bắt buộc. 2. 지급받고자 하는 금융기관의 예금통장은 입출금이 가능한 청구인 본인의 것이어야 합니다. 2. Tài khoản tiền gửi của tổ chức tài chính nơi nhận khoản thanh toán phải là tài khoản của người làm đơn và có thể thực hiện gửi tiền và rút tiền. 3. 미지급 아동수당의 지급을 청구할 수 있는 자는 사망 당시 아동을 사실상 보호・양육하고 있던 사람(보호자)입니다. 3. Người có quyền yêu cầu thanh toán tiền trợ cấp trẻ em chưa thanh toán là người đang thực sự bảo vệ và nuôi dưỡng trẻ (người giám hộ) tại thời điểm trẻ em tử vong. 4. 보호자가 2명 이상인 경우에는 각각의 보호자가 개별적으로 청구를 하거나 대표자를 선정하여 청구할 수 있습니다. 청구인 외 보호자들이 청구인을 대표자로 선정하여 청구하는 경우 "대표자 선정"란에 서명 또는 날인하십시오. 4. Nếu có từ 2 người giám hộ trở lên thì mỗi người giám hộ có thể nộp đơn riêng lẻ hoặc chọn một người đại diện để nộp đơn. Nếu người giám hộ không phải người làm đơn và chọn người làm đơn làm người đại diện để thực hiện yêu cầu thì ký tên hoặc đóng dấu vào ô "Lựa chọn người đại diện".
첨부서류 Hồ sơ đính kèm	1. 수급아동의 사망사실을 확인할 수 있는 서류 1. Giấy tờ có thể xác nhận trẻ em được nhận trợ cấp tử vong 2. 수급아동이 사망할 당시의 보호자임을 확인할 수 있는 서류(청구인을 대표자로 선정한 경우 청구인 외 다른 보호자가 사망 당시 아동을 사실상 보호・양육하고 있던 사실을 확인할 수 있는 서류를 포함합니다) 2. Giấy tờ có thể xác nhận là người giám hộ tại thời điểm trẻ em được nhận trợ cấp tử vong (nếu chọn người làm đơn làm người đại diện thì bao gồm giấy tờ xác nhận người giám hộ không phải người làm đơn và đang thực sự bảo vệ và nuôi dưỡng trẻ em tại thời điểm trẻ tử vong) 3. 청구인의 인적사항을 확인할 수 있는 서류(청구인을 대표자로 선정한 경우 청구인 외 다른 보호자의 인적사항을 확인할 수 있는 서류를 포함합니다) 3. Giấy tờ có thể xác nhận thông tin cá nhân của người làm đơn (bao gồm giấy tờ có thể xác nhận thông tin cá nhân của người giám hộ không phải người làm đơn nếu người làm đơn được chọn làm người đại diện) 4. 별지 제1호서식의 아동수당 관련 위임장 및 대리인의 인적사항을 확인할 수 있는 서류(대리인이 청구하는 경우만 해당합니다) 4. Giấy uỷ quyền trợ cấp trẻ em theo Mẫu đính kèm số 1 và giấy tờ có thể xác nhận thông tin cá nhân của người đại diện (chỉ áp dụng trong trường hợp người đại diện yêu cầu thanh toán)
업무담당 Phụ trách công việc	1. 인정기준 부합 여부: [ ]부합 [ ]미부합 1. Có phù hợp các tiêu chí công nhận hay không: [ ]Phù hợp [ ]Không phù hợp 2. 청구인 외 다른 보호자: ( ) 2. Người giám hộ không phải là người làm đơn: ( )

210㎜×297㎜[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

처리절차
Quy trình xử lý

이 신청서는 아래와 같이 처리됩니다.
Đơn đăng ký này được xử lý như sau.

청구인 Người làm đơn	처리기관 Cơ quan xử lý 특별자치시장・특별자치도지사・시장・군수・구청장 Thị trưởng Thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc Tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) Thị trưởng, Chủ tịch huyện (gun), Chủ tịch quận (gu)



210㎜×297㎜[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]